

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM: CÁCH TIẾP CẬN, THỰC TIỄN VÀ GỢI Ý CHÍNH SÁCH

PGS.TS. Nguyễn Văn Sửu
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: nvsuu@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận về phát triển, gồm khái niệm phát triển, các tiếp cận phát triển, phát triển địa phương và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Trên cơ sở đó lập luận cho rằng phát triển địa phương trước hết phải là phát triển “ở” địa phương và “vì” địa phương, nhưng không nhất thiết là phát triển hoàn toàn “của” địa phương và “do” địa phương. Thay vào đó, phát triển địa phương có động năng đa dạng, bao gồm phát triển từ bên dưới, phát triển từ bên trên, và kết hợp cả hai. Các chính sách phát triển bền vững địa phương nên khuyến khích phát triển từ bên dưới; khai thác lợi thế của phát triển kết hợp từ bên dưới và từ bên trên; sử dụng có chọn lọc phát triển từ bên trên; và chú ý đến vai trò của các nhà nhân học.

Từ khóa: Phát triển bền vững địa phương, phát triển từ bên trên, phát triển từ bên dưới, phát triển kết hợp, phát triển ở Việt Nam.

Abstract: This article analyses various theoretical issues related to development, including the concept of development, development approaches, local development, and development practices in Vietnam. It argues that local development must, first and foremost, be development in the locality and for the locality, but not necessarily development entirely of or by the locality. Instead, local development has diverse dynamics, including development from below, development from above, and a combination of both. Local sustainable development policies should encourage development from below, leverage the advantages of hybrid development from below and above, selectively utilise development from above, and recognise the role of anthropologists.

Keywords: Local sustainable development, development from above, development from below, hybrid development, development in Vietnam.

Ngày nhận bài: 8/10/2024; ngày gửi phản biện: 10/11/2024; ngày duyệt đăng: 18/2/2025.

Mở đầu

Bài viết phân tích một số vấn đề lý luận về phát triển, gồm các khái niệm, các tiếp cận phát triển, phát triển địa phương (PTĐP) và thực tiễn phát triển ở Việt Nam. Với nhận thức địa phương là một không gian địa lý xác định, một bộ phận của quốc gia, vì vậy PTĐP trước hết phải là phát triển ở địa phương và vì địa phương. Nhưng PTĐP không nhất thiết là phát triển hoàn toàn của địa phương và do địa phương. Thay vào đó, PTĐP có động năng đa dạng, bao gồm phát triển từ bên dưới, phát triển từ bên trên và kết hợp cả hai. Kiến tạo tính bền vững trong PTĐP cần chú ý đến những sáng kiến, nỗ lực phát triển từ bên dưới; vai trò của chính quyền trung ương, các cơ quan phát triển và các nhà tài trợ quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các doanh nghiệp; sự cạnh tranh của các tác nhân trong phát triển bền vững (PTBV) địa phương; vai trò của các nhà khoa học. Từ đó, các chính sách PTBV địa phương nên khuyến khích tiếp cận từ bên dưới; khai thác lợi thế của tiếp cận kết hợp từ bên dưới và từ bên trên; sử dụng có chọn lọc tiếp cận phát triển từ bên trên và chú ý đến vai trò của các nhà nhân học.

1. Khái niệm hóa phát triển

1.1. Định nghĩa phát triển

Phát triển (*development*) là khái niệm có nhiều cách hiểu, nhiều quan điểm lý thuyết và ẩn sau nó là một lịch sử thực hành lâu dài (Gardner & Lewis, 2015). Crewe và Axelby (2013, tr.3) cho rằng phát triển là “hy vọng” và “thất vọng”. Phát triển là hy vọng về tương lai tốt đẹp vì nó hàm ý cải thiện mức sống, điều kiện sống và các cơ hội hay các quá trình sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa hoặc là các chiến lược để tăng quyền cho người dân, cộng đồng, hay gia tăng sự kiểm soát của Nhà nước. Nhưng phát triển cũng hàm chứa sự thất vọng vì sự thất bại, sai phạm, tham nhũng, chống đối và nỗi khổ gắn với các can thiệp phát triển.

Crewe và Axelby (2013, tr.3) cũng khái quát tư duy phổ biến về phát triển thành một số quan điểm chính như: (1) phát triển là mục tiêu khả thi; (2) phát triển là hướng tới hiện đại; (3) phát triển là kiểm soát; (4) phát triển là tăng quyền và sự tham gia; (5) phát triển là diễn ngôn. Từ những năm 2000, PTBV (*sustainable development*) được Liên Hiệp Quốc, các nhà tài trợ quốc tế và chính phủ các quốc gia thúc đẩy theo hướng kết hợp phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, và thể chế hóa thành các mục tiêu phát triển có thể đo lường, xác minh được (Homewood, 2017, tr.91) nhằm không để ai ở lại phía sau trong quá trình phát triển.

1.2. Tiếp cận phát triển: Từ bên trên và từ bên dưới

Phát triển được nhận thức, thiết kế và triển khai theo những cách tiếp cận đa dạng. Dựa vào quan điểm của các nhà khoa học đi trước, có thể phân loại các tiếp cận phát triển thành ba nhóm: phát triển từ bên trên, phát triển từ bên dưới và phát triển kết hợp.

Phát triển từ bên trên (development from above) là cách tiếp cận truyền thống, chi phối các chiến lược phát triển của Nhà nước, các cơ quan phát triển quốc tế, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ. Tiếp cận phát triển từ bên trên coi trọng tri thức khoa học, công nghệ và vai trò của Nhà nước, các cơ quan phát triển quốc tế, các nhà tài trợ quốc tế (Mosse & Lewis eds., 2005) trong việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển, trong khi chưa chú ý đúng mức đến sự tham gia và đóng góp của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương. Tiếp cận này chi phối các chính sách phát triển trên phạm vi toàn cầu. Theo tiếp cận này thì "phát triển liên quan đến sự theo đuổi có chủ đích nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế, xã hội và chính trị thông qua sự can thiệp có kế hoạch. Các can thiệp phát triển là các hành động có ý thức được các cơ quan chính phủ và các tổ chức phi chính phủ thực hiện bằng các dự án, chính sách và chương trình" (Crewe & Axelson, 2013, tr.3).

Tuy nhiên, những thất bại của nhiều chính sách phát triển từ bên trên cùng với những thách thức của toàn cầu hóa từ những năm 1990 ở các địa bàn cụ thể đã dẫn đến việc thúc đẩy *phát triển từ bên dưới (development from below)* (Sillitoe ed., 2009, tr.16-17). Phát triển từ bên dưới chú ý đến các sáng kiến, tiếng nói, nỗ lực, hành động của địa phương và ở cấp cơ sở thì đó là của người dân, cộng đồng, các nhóm thiểu số, chính quyền địa phương,...

Bảng 1: Phát triển từ bên trên và phát triển từ bên dưới

	Tiếp cận từ bên trên	Tiếp cận từ bên dưới
1	Các cơ quan trung ương quyết định các khu vực và cách can thiệp	Thúc đẩy phát triển theo địa bàn thông qua các sáng kiến từ bên dưới
2	Các cơ quan trung ương quản lý các dự án phát triển	Phân quyền, hợp tác theo chiều dọc giữa các cấp chính quyền, và hợp tác theo chiều ngang giữa các thực thể công và tư
3	Phát triển theo lĩnh vực	Phát triển theo địa bàn (địa phương)
4	Phát triển các dự án công nghiệp lớn nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh tế	Sử dụng tiềm năng phát triển của mỗi địa phương để liên tục điều chỉnh hệ thống kinh tế địa phương phù hợp với môi trường kinh tế địa phương
5	Hỗ trợ tài chính, các gói tài trợ và kích cầu để thúc đẩy kinh tế	Cung cấp các điều kiện thiết yếu cho phát triển kinh tế

Nguồn: Pike và cộng sự, 2016, tr. 17.

Một tiếp cận thứ ba là *phát triển kết hợp* của các thành tố phát triển từ bên trên và cả phát triển từ bên dưới (*hybrid development*). Một số thuật ngữ nổi bật trong tiếp cận phát triển kết hợp là “sự tham gia”, “phân quyền”, “tăng quyền”,... Một ví dụ về phát triển kết hợp là sự kết hợp giữa tri thức khoa học và tri thức địa phương trong các hành động phát triển trong bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể (Sillitoe ed., 2009, tr.9-11; Sillitoe và cộng sự, 2002). Ở Việt Nam, trong khuôn khổ Chương trình 135 giai đoạn II, một số hoạt động của chương trình đã

mời đại diện các hộ và cộng đồng tham gia đề xuất các dự án phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu địa phương là minh chứng sống động của phát triển kết hợp¹.

2. Phát triển địa phương

Một số nghiên cứu đã thảo luận các vấn đề khái niệm, khung phân tích, nguyên tắc, mục đích và kế hoạch cho PTĐP. PTĐP là gì? Phát triển hàm ý nhiều cấp độ, nhiều lĩnh vực và nhiều tác nhân. Phát triển ở cấp độ vĩ mô hàm ý các dự án phát triển quốc tế, khu vực, quốc gia và vùng². Phát triển ở cấp vi mô ngụ ý các dự án PTĐP. Tuy nhiên, thuật ngữ địa phương cần đặt trong các bối cảnh phát triển cụ thể. Trong mối quan hệ với phát triển quốc tế thì địa phương có thể là quốc gia. Ví dụ, từ quan điểm nhân học, Abram cho rằng PTĐP là những nỗ lực phát triển của các Nhà nước đối với cư dân trên lãnh thổ của chính họ (Abram, 2003, tr.11-27). Trong mối quan hệ với phát triển quốc gia, địa phương có thể là cấp cơ sở, bao gồm các khu dân cư, cộng đồng, làng, đơn vị chính quyền cấp cơ sở, nhưng cũng có thể bao quát một không gian địa lý rộng lớn hơn, như một huyện, tỉnh, hay thành phố. Trong bối cảnh Việt Nam, theo nghĩa rộng nhất, địa phương là các cấp hành chính bên dưới trung ương.

PTĐP nhấn mạnh đến một số điểm then chốt. *Thứ nhất*, PTĐP là phát triển ở địa phương. Theo Pike và cộng sự (2016), thì PTĐP bao quát các không gian địa lý, các địa bàn, quá trình kinh tế, xã hội, chính trị và môi trường xuyên các không gian địa lý. Trong khi đó, Van Lindert and Verkoren (2010) giới hạn “địa phương” là một đơn vị không gian địa lý được xác định rõ ràng. Nhà nhân học người Pháp De-Sardan (2008) phân tích PTĐP từ lăng kính của tiếp cận các logic xã hội đan xen (*entangled social logics approach*). Theo De-Sardan, địa phương là “một đấu trường”, một đấu trường chính trị (*political arena*) của sự tương tác giữa nhiều tác nhân phát triển đa dạng từ địa phương và ngoài địa phương. Các tác nhân này có thể gồm các tầng lớp nông dân, các nhóm thanh niên, phụ nữ, những người giàu, các nhân viên phát triển, đại diện chính quyền địa phương, thành viên các tổ chức phi chính phủ và cả các nhà khoa học,... Tất cả họ tương tác trực tiếp và gián tiếp với nhau để kiến tạo phát triển trong các bối cảnh không gian và thời gian xác định. Trong đó, mỗi tác nhân đều có quan điểm, nguồn lực, chiến lược và sử dụng các khả năng của mình để đạt các mục tiêu phát triển. Trong các tác nhân phát triển thường có các nhóm chiến lược chi phối các hành động phát triển. Điều này có thể thấy rõ trong các dự án phát triển. Cách tiếp cận các logic xã hội đan xen trong dự án phát triển hoàn toàn khác với hai cách tiếp cận phát triển khác, được De-Sardan gọi là “tiếp cận diễn ngôn phát triển” phê bình các nhà phát triển chi phối các hoạt động phát triển (phát triển từ bên trên) và “tiếp cận dân túy” đề cao vai trò và tri thức của người dân và cộng đồng (phát triển từ bên dưới). Trong tiếp cận dân túy, De-Sardan (2008) lưu ý phân biệt tiếp cận dân túy như một phương pháp luận với tiếp cận dân túy như một ý thức hệ.

¹ Tư liệu đánh giá “sự tham gia dự án” của Chương trình 135 giai đoạn II của tác giả.

² Một số nhà khoa học đặt cấp độ phát triển khu vực (*regional development*) bên dưới phát triển quốc gia (Pike và cộng sự, 2016, tr.37).

Thứ hai, PTĐP có mục tiêu chung là vì địa phương, nhằm cải thiện kinh tế, xã hội và môi trường địa phương. Để đạt được các mục tiêu đó, Van Lindert và Verkoren (2010) cho rằng các kế hoạch PTĐP cần chú ý đến bối cảnh địa phương, phân tích thấu đáo các khả năng và hạn chế của địa phương, quan tâm đến nhu cầu của địa phương, sự tham gia và cộng tác của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương. Từ quan điểm nhân học, Abram (2003) phân tích những nỗ lực phát triển của Nhà nước, các hình thức quản trị phát triển, mục tiêu kiểm soát của Nhà nước, những mong ước phát triển của người dân đối với các dự án phát triển, xung đột lợi ích, bản sắc và cảm nhận của người dân về các dự án phát triển ở các địa phương cụ thể.

Thứ ba, trong bối cảnh Việt Nam và nhiều quốc gia khác, PTĐP gắn với Nhà nước trung ương, các cơ quan phát triển và các nhà tài trợ quốc tế, các doanh nghiệp và tiến trình toàn cầu hóa trên nhiều phương diện (Edelman & Haugerud, 2005; Sillitoe ed., 2009) và có mối quan hệ mật thiết với người dân địa phương, cộng đồng, chính quyền địa phương và quản trị địa phương³. Chính quyền địa phương là hệ thống các cơ quan Nhà nước ở địa phương. Trong trường hợp PTĐP được xác định là phát triển ở cấp cơ sở thì PTĐP gắn chặt với chính quyền cấp cơ sở, người dân và cộng đồng trong các địa bàn cụ thể như xã, phường, thị trấn. Trong bối cảnh đó, phát triển từ bên trên là những can thiệp phát triển ở địa phương bởi các thực thể từ bên trên cấp cơ sở.

Quản trị địa phương có nội hàm rộng hơn chính quyền địa phương, được định nghĩa là sự hình thành và thực thi các hành động tập thể ở địa phương. Theo nghĩa này, vai trò của chính quyền địa phương có khác biệt lớn so với vai trò của quản trị địa phương (Shah, 2006, tr.43). Trong phân tích quản trị địa phương, các nghiên cứu phát triển thảo luận nhiều về “phân quyền” và “sự tham gia” để cho người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề của địa phương (Balakrishnan ed., 2007). Trong bối cảnh Việt Nam, Kerkvliet (2004, tr.1) xác định quản trị địa phương theo nghĩa hẹp là quá trình hoạch định, thực thi chính sách và giải trình ở địa phương.

Tóm lại, địa phương là không gian địa lý xác định, là bộ phận của quốc gia và chính quyền địa phương là một cấp của bộ máy Nhà nước. Phân tích và thúc đẩy PTĐP cần chú ý đến (1) những sáng kiến, nỗ lực phát triển tự thân từ bên dưới; (2) sự cạnh tranh của các tác nhân trong phát triển ở địa phương; (3) vai trò của chính quyền trung ương, các cơ quan phát triển và các nhà tài trợ quốc tế, các doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ và (4) vai trò của chính các nhà khoa học.

3. Hai mô hình phát triển ở Việt Nam

- *Mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa*: diễn ngôn về phát triển hiện diện trong các diễn đàn chính trị, hoạch định chính sách, khoa học và cả trong đời sống hàng ngày. Trong hơn

³ Xét trên bình diện thế giới, cả về lý luận và thực tiễn, Anwar Shah và Sana Shah đã khái quát nhiều mô hình chính quyền địa phương và quản trị địa phương khác nhau (Shah, 2006).

nửa thế kỷ qua, Việt Nam đã xây dựng hai mô hình phát triển chủ đạo và đạt được các kết quả phát triển ấn tượng trong từng giai đoạn lịch sử.

Trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ 1954 ở miền Bắc và từ 1975 trên phạm vi cả nước đến 1986, Việt Nam thực hiện mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa. Mô hình này có nguồn gốc Xô-viết, được áp dụng ở Việt Nam nhằm xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng của mô hình này là Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong tiến trình phát triển, chủ yếu thông qua nền kinh tế kế hoạch, chế độ bao cấp, định hướng tập thể và nguyên tắc bình đẳng xã hội. Đặt trong bối cảnh Việt Nam bị chia cắt thành hai miền, với hai thể chế chính trị đối lập, mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa giúp Đảng và Nhà nước tập trung mọi nguồn lực cần thiết để thống nhất đất nước, xây dựng chế độ chính trị và các hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản. Tuy nhiên, từ cuối những năm 1970, khi đất nước đã thống nhất, mô hình phát triển này trở nên không còn phù hợp.

- *Mô hình phát triển thời kỳ Đổi mới*: Từ những năm 1980, trong bối cảnh thế giới nói chung và hệ thống xã hội chủ nghĩa nói riêng có nhiều biến đổi, trước những hạn chế không thể khắc phục của mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiến hành các chính sách Đổi mới. Những chính sách mới được thực hiện trước hết trong các lĩnh vực kinh tế, quan hệ đối ngoại, sau đó được triển khai trong hầu hết các lĩnh vực của xã hội. Mục tiêu bao trùm và xuyên suốt của mô hình phát triển thời kỳ Đổi mới là xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và hạnh phúc trên cơ sở nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4. Thực tiễn một số dự án và sáng kiến phát triển ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới

4.1. Các dự án phát triển từ bên trên và mâu thuẫn địa phương

Phát triển theo nghĩa rộng nhất là một quá trình biến đổi xã hội được kiến tạo bởi những cách tiếp cận từ bên dưới, từ bên trên, hoặc cả hai. Trong phần này, bài viết phân tích một số sáng kiến và nỗ lực phát triển từ bên dưới và các dự án phát triển từ bên trên, qua đó cho thấy các dự án phát triển từ bên trên tạo ra mâu thuẫn xã hội như thế nào.

Trong bối cảnh Đổi mới, để hiện thực hóa mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, Việt Nam đã triển khai rất nhiều dự án phát triển công nghiệp, đô thị và các dự án phi nông nghiệp, trong đó có nhiều dự án cần thu hồi đất, chủ yếu là đất nông nghiệp. Từ năm 1991-2013, trung bình mỗi năm Nhà nước thu hồi 58.000ha đất nông nghiệp để xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông và các dự án phát triển phi nông nghiệp khác. Tốc độ đô thị hóa ở Việt Nam tăng nhanh, với mức dân số đô thị từ 19,6% năm 1986 và ước tính tăng lên 37,3% vào năm 2020 (The World Bank, 2018). Theo đó, nhiều dự án phát triển các khu đô thị mới được xây dựng từ đất nông nghiệp của các thành phố lớn. Chỉ tính riêng hai trung tâm đô thị trực thuộc trung ương là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, trong những năm 2000 - 2013, ước tính mỗi năm đã thu hồi hơn 1.000 ha/năm để phục vụ các dự án phát triển công nghiệp, đô thị... (Vu & Kawashima, 2017, tr.49-58). Trên bình diện quốc gia, theo thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến đầu năm 2021, Việt Nam đã xây dựng 370 khu

công nghiệp ở 61 tỉnh và thành phố trên cả nước, với tổng diện tích 115.200 ha, 18 khu kinh tế trên diện tích 857.0000 ha⁴. Bên cạnh đó, một số lượng lớn các sân golf, khu nghỉ dưỡng, các công trình giao thông, đập thủy điện và công trình hạ tầng khác được triển khai trên nền tảng đất nông nghiệp.

Các dự án phát triển này chủ yếu triển khai theo tiếp cận từ bên trên và nhiều dự án đã nảy sinh mâu thuẫn ở địa bàn triển khai dự án. Trong khi người dân và cộng đồng có nhiều hy vọng đối với các dự án phát triển ở địa phương thì một bộ phận người dân lại thất vọng về một số điểm cụ thể của các dự án, nổi bật trong đó là thực tế họ không đồng ý với các cơ quan phát triển, đơn vị thực hiện dự án và doanh nghiệp về giá đền bù quyền sử dụng đất. Xung đột lợi ích khi không được giải quyết thỏa đáng đã dẫn đến những hành động phản đối công khai của người dân bị ảnh hưởng bởi các dự án phát triển. Các nghiên cứu cho thấy người nông dân phản đối các dự án phát triển từ bên trên phần nhiều vì xung đột lợi ích và một số liên quan đến sai phạm, tham nhũng trong quá trình thực hiện dự án. Những phản đối của người dân thường dẫn đến khiếu kiện tập thể, kéo dài và có đông người tham gia (Nguyen Van Suu, 2007). Theo báo cáo của các cơ quan Nhà nước, khiếu kiện liên quan đến đất đai chiếm tới 70% tổng số khiếu kiện ở Việt Nam (Bảo Quyên, 2018). Mâu thuẫn xã hội gắn với các dự án triển khai ở địa phương tạo ra những thách thức cho quản trị địa phương và việc đạt mục tiêu PTĐP bền vững.

4.2. Phát triển từ bên dưới: những sáng kiến và nỗ lực của người dân

Số chuyên đề “Phát triển từ cơ sở” của *Tạp chí Dân tộc học* (số 1/2022) đã đăng tải một số trường hợp rất sinh động, đặc biệt là cách tiếp cận “phát triển từ bên dưới” (xem thêm Nguyễn Công Thảo, 2022). Một nghiên cứu của Chu Thu Hường (2021) cho thấy, từ giữa thế kỷ XX, người dân làng Đồng Kỵ đã bắt đầu đã chuyển từ buôn trâu sang sản xuất và buôn bán đồ gỗ mỹ nghệ. Số lượng hộ sản xuất đồ gỗ ở Đồng Kỵ tăng từ khoảng 40% trong những năm 1980 lên đến 95% vào năm 2015. Nền kinh tế đồ gỗ ở Đồng Kỵ được mở rộng quy mô sản xuất, tạo ra các sản phẩm đồ gỗ chất lượng cao bậc nhất ở Việt Nam, phục vụ một thị trường rộng lớn ở trong nước và quốc tế. Khu sản xuất đồ gỗ của làng được mở rộng, “lấn chiếm” nhiều diện tích đất nông nghiệp, thậm chí cả đất của làng khác. Cách thức tổ chức sản xuất và kinh doanh đồ gỗ chuyển mạnh từ mô hình hộ gia đình sang mô hình công ty. Nhiều công ty ở Đồng Kỵ có vốn lên tới hàng chục tỷ đồng, có công ty có vốn tới hàng trăm tỷ đồng, sử dụng một lượng lớn lao động làm thuê ở các làng lân cận và từ nhiều tỉnh. Ở thời điểm đầu những năm 2010, Đồng Kỵ có tới khoảng 15.000 - 16.000 lao động làm thuê đến từ các tỉnh khác.

Các công ty sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng gỗ tự nhiên cao cấp, nhập khẩu từ nước ngoài, kiến tạo các sản phẩm đồ gỗ mỹ nghệ chất lượng cao. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm đồ gỗ cao cấp của làng trải dài trên phạm vi cả nước, và nhiều quốc gia trên thế giới. Nhìn tổng thể, trong tiến trình gần bốn thập kỷ Đổi mới, từ sáng kiến của một số cá nhân và hộ gia đình, sản

⁴ Nguồn: Tổng hợp số liệu của tác giả trên trang www.khucongnghep.com.vn (Truy cập ngày 17/4/2024).

xuất đồ gỗ ở Đồng Kỵ đã phát triển và trở thành nền kinh tế chủ đạo của làng. Vào thời điểm năm 2015, sản xuất đồ gỗ chiếm tới 99,5% tổng thu nhập của Đồng Kỵ và năm 2017 thu nhập từ kinh tế đồ gỗ đạt 770 tỷ đồng. Đồng Kỵ trở thành “làng tỷ phú”, “làng giám đốc”.

5. Tiếp cận nào cho phát triển bền vững địa phương

5.1. Khuyến khích tiếp cận phát triển từ bên dưới

PTĐP nên được kiến tạo như thế nào để đạt được tính bền vững? Những phân tích PTĐP và quản trị địa phương ở khu vực Mỹ Latinh của Van Lindert và Verkoren (2010, tr.9) có nhiều hàm ý chính sách tốt cho PTĐP ở Việt Nam. Tôi lập luận rằng PTĐP sẽ bền vững hơn khi có tiếp cận phù hợp. Đặt trong các bối cảnh địa phương cụ thể, lựa chọn cách tiếp cận phát triển là sự lựa chọn có tầm chiến lược nhằm hiện thực hóa mục tiêu PTĐP, nhất là phát triển ở cấp cơ sở. Cách tiếp cận phát triển vừa là kết quả, vừa được kiến tạo bởi quan niệm về phát triển. Tiếp cận phát triển chi phối hành động phát triển, và hứa hẹn kết quả phát triển. Trong một không gian địa lý cụ thể, các dự án phát triển có thể được thiết kế, triển khai từ bên dưới, từ bên trên, và kết hợp các thành tố của cả hai, tùy thuộc vào từng bối cảnh địa phương. Theo đó, khó có thể có một cách tiếp cận duy nhất phù hợp cho mọi bối cảnh PTĐP địa phương. Thay vào đó, mỗi địa phương là một không gian phát triển và đó là không gian phát triển của các tiếp cận phát triển phù hợp với bối cảnh địa phương cụ thể trong thời điểm cụ thể.

Phát triển từ bên dưới lấy người dân, cộng đồng và chính quyền cấp địa phương làm trung tâm thông qua “sự tham gia”, “đặt người dân lên trước” (Chambers, 1983, tái bản 2014), dựa vào cộng đồng,... Cách tiếp cận này phù hợp với các dự án phát triển ở địa phương, nhất là dự án phát triển ở cấp cơ sở. Sức mạnh của phát triển từ bên dưới không chỉ đơn thuần nằm ở chỗ đáp ứng nhu cầu của địa phương, có sự tham gia của người dân và chính quyền địa phương (Van Lindert & Verkoren, 2010, tr.9), mà còn ở tinh thần tự thân, sự sáng tạo và khả năng cạnh tranh của địa phương. Do đó, các chính sách PTĐP cần phản ánh đầy đủ tầm quan trọng của các sáng kiến địa phương, nhất là các sáng kiến, nỗ lực và khả năng cạnh tranh ở cấp cơ sở của người dân và cộng đồng.

Chúng ta có nhiều minh chứng về sáng kiến tự thân của người dân và cộng đồng ở Việt Nam. Những sáng kiến và nỗ lực của người dân trong phát triển nền kinh tế đồ gỗ ở Đồng Kỵ, như đã nêu ở phần trên, là một ví dụ ấn tượng của phát triển từ bên dưới. Người Đồng Kỵ đã không ngừng “truyền thống hóa” không gian thiêng - khu di tích đình, chùa của cộng đồng làng để song hành với quá trình “hiện đại hóa” không gian thế tục ở Đồng Kỵ. Xuyên suốt quá trình truyền thống hóa không gian thiêng là mong ước bảo tồn văn hóa truyền thống. Các yếu tố hiện đại được đưa vào không gian thiêng song đi kèm mâu chốt nằm ở chỗ người dân và cộng đồng sử dụng chúng với mục tiêu “bảo tồn và tôn tạo di sản truyền thống”. Những sáng kiến tự thân, từ bên dưới này phù hợp với các quy định và mục tiêu của chính quyền Nhà nước về việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Kết quả là một không gian thiêng của làng không ngừng được kiến tạo, lưu giữ những công

trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật truyền thống, là nơi thực hành các nghi lễ truyền thống của cộng đồng trong bối cảnh Đồng Kỵ có sự phát triển mạnh về kinh tế đồ gỗ, công nghiệp và đô thị (Nguyễn Văn Sửu, Chu Thu Hường, 2023).

Ở đồng bằng sông Hồng, trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, những sáng kiến của người dân và chính quyền cấp cơ sở là nguồn cảm hứng cho chính sách đổi mới sản xuất nông nghiệp tập thể. Một số địa phương ở Hải Phòng, Vĩnh Phúc, người dân và chính quyền cấp cơ sở đã có những điều chỉnh chính sách và bằng cách đó họ truyền cảm hứng cho các chính sách đổi mới sản xuất nông nghiệp ở cấp trung ương (Kerkvliet, 2005). Trong lĩnh vực văn hóa, những sáng kiến và nỗ lực phục hồi các thiết chế văn hóa, như đình, chùa và các nghi lễ, lễ hội truyền thống từ cuối những năm 1970 cũng là động năng cho quá trình phục hồi văn hóa truyền thống, đưa một số thiết chế, thực hành văn hóa truyền thống trở thành di sản văn hóa của Việt Nam và nhân loại. Ở vùng dân tộc thiểu số, một số nhà khoa học gần đây nhận định rằng các dân tộc thiểu số vốn trước đây thường bị đánh giá là lạc hậu, phụ thuộc, thì thực tế họ là những chủ thể năng động (Taylor, 2008), đầy sức sống văn hóa và sáng tạo trong nắm bắt những biến đổi xã hội (McElwee, 2022, tr. 364).

5.2. Sử dụng chọn lọc tiếp cận phát triển từ bên trên

Phát triển từ bên trên hàm ý các can thiệp phát triển do Nhà nước và các cơ quan phát triển và nhà tài trợ quốc tế dẫn dắt (Van Lindert & Verkoren, 2010, tr.14). Trong nhiều trường hợp, các dự án phát triển từ bên trên tạo ra những đột phá trong phát triển kinh tế, công nghiệp, đô thị ở cấp vĩ mô. Tiếp cận từ bên trên trong phát triển khi được sử dụng một cách phù hợp sẽ là công cụ tốt để tạo đột phá trong PTĐP. Tôi cho rằng phát triển từ bên trên cần được sử dụng có chọn lọc vì có nhiều minh chứng cho thấy tiếp cận này không phải lúc nào cũng phù hợp với các bối cảnh PTĐP. Brightman và Lewis (2017) đã chỉ ra những mâu thuẫn, lạm dụng và tính chính trị trong sử dụng thuật ngữ “tính bền vững” trong phát triển từ bên trên. Thực tiễn phát triển ở Châu Phi cho thấy trong không ít trường hợp các nhà hoạch định chính sách cố gắng kết hợp với thực tiễn địa phương bằng cách sử dụng các khái niệm chung chung như *cộng đồng*, *bảo tồn*, *tham gia địa phương* hay *văn hóa*, nhưng đây là những khái niệm khó nhận diện trong thực tiễn địa phương (Brightman and Lewis, 2017, tr.8). Homewood (2017) đánh giá việc thực hiện tầm nhìn toàn cầu về PTBV trong quản lý động vật hoang dã ở Tanzania dẫn đến sự kiểm soát và tích tụ tài sản tự nhiên vào tay các cơ quan Nhà nước và các tổ chức quốc tế, trong khi quan điểm và tri thức địa phương của các cộng đồng địa phương về tính bền vững của họ cũng không được tôn trọng.

Ở Việt Nam, câu hỏi Thành Hoàng làng Đồng Kỵ là ai cũng gây mâu thuẫn xã hội khi các nhà khoa học tiếp cận vấn đề từ bên trên, như một số nghiên cứu đã cho thấy. Vào những năm 1990, một công trình của các nhà khoa học ở một cơ quan nghiên cứu trung ương đã viết rằng Thành Hoàng làng Đồng Kỵ là thần gập phân và là cặp dâm thần. Trong bối cảnh nền kinh tế đồ gỗ đang thịnh vượng, người dân Đồng Kỵ không đồng ý với ý kiến của các nhà khoa học. Họ đã khiếu kiện tập thể, yêu cầu các nhà khoa học sửa chữa những

tuyên bố và sự diễn giải khoa học để khẳng định thần Thành Hoàng làng Đồng Kỵ là Đức Thánh Thiên Cương Đế, một vị anh hùng dân tộc thời vua Hùng Vương thứ tư (Hue Tam Ho Tai, Le Hong Ly, 2008).

5.3. Khai thác lợi thế của tiếp cận kết hợp trong phát triển bền vững địa phương

Kết hợp phát triển từ bên dưới và phát triển từ bên trên có thể là một chiến lược tốt cho PTBV địa phương. Khi các tiếp cận đơn thuần từ bên trên, hoặc từ bên dưới không đáp ứng yêu cầu PTBV địa phương thì các dự án phát triển kết hợp cả hai cách tiếp cận này sẽ khai thác được sức mạnh riêng có của chúng. Tiếp cận kết hợp cho phép các dự án PTĐP khai thác các thế mạnh của địa phương, kiến tạo phát triển dựa trên những gì địa phương có, thế mạnh từ bên trên và từ bên ngoài như khoa học, công nghệ, vốn, khả năng kết nối thị trường,...

Tiếp cận kết hợp trong PTBV địa phương một mặt phân quyền cho địa phương, tăng quyền cho địa phương thông qua việc thúc đẩy sự tham gia của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương vào quá trình kiến tạo PTBV địa phương. Mặt khác, tiếp cận kết hợp cho phép Nhà nước hay các cơ quan phát triển triển khai các dự án theo quan điểm và mong muốn từ bên trên ở một số khía cạnh nào đó. Trong lĩnh vực bảo tồn, Adam (2017) chỉ ra rằng “bảo tồn từ bên trên” đã và đang chi phối các dự án bảo tồn tự nhiên ở nhiều địa bàn trên thế giới. Bảo tồn từ bên trên gắn với các chuyên gia bảo tồn, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức bảo tồn quốc tế, nhưng không phải là chìa khóa vạn năng cho công tác bảo tồn ở mọi nền văn hóa. Trong khi đó, “bảo tồn từ bên dưới” được thúc đẩy gần đây đã phát huy thế mạnh dựa vào các ý tưởng, tri thức và thực hành của người dân và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, trong không ít trường hợp, thái độ đối với động vật và các thực hành văn hóa của cộng đồng địa phương có sự khác biệt, thậm chí mâu thuẫn với các quan điểm bảo tồn và các giá trị văn hóa phổ quát. Do vậy, sự kết hợp và cân bằng giữa hai tiếp cận từ bên trên và từ bên dưới trong một dự án bảo tồn tự nhiên là tương lai của các dự án bảo tồn.

Tuy nhiên, như Van Lindert và Verkoren (2010, tr.10) lập luận, sự tham gia của địa phương chưa phải là điều kiện đủ cho PTBV địa phương. Ở Việt Nam, một ví dụ thành công của tiếp cận kết hợp là các hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng của Chương trình 135 giai đoạn II cho phép người dân và cộng đồng tham gia lựa chọn các công trình cần xây dựng để phát triển cơ sở hạ tầng của các địa phương được thụ hưởng dự án⁵. Nhưng sự kết hợp từ bên trên và từ bên dưới không tự nhiên mang lại kết quả phát triển như mong đợi. Trong những năm 1990, Nhà nước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn (điện, đường, trường học và trạm y tế) thông qua phương thức Nhà nước và nhân dân cùng làm. Công thức chung là Nhà nước đầu tư khoảng 2/3 tổng kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và các địa phương đóng góp khoảng 1/3 kinh phí còn lại. Ở không ít địa phương thuộc đồng bằng sông Hồng, chính quyền cấp cơ sở tạo nguồn kinh phí này bằng cách “bán” hay đấu thầu quyền sử dụng đất công ích của xã. Trong quá trình này, người dân cho rằng cán bộ địa phương đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn để vụ lợi cá nhân, và họ đã tố cáo, khiếu nại tập thể ở nhiều địa phương của

⁵ Tư liệu đánh giá ‘sự tham gia dự án’ của Chương trình 135 giai đoạn II của tác giả.

tỉnh Thái Bình. Kết quả là Đảng và Nhà nước phải kỷ luật hàng loạt cán bộ địa phương và ban hành Quy chế Dân chủ cơ sở vào năm 1998 (Đỗ Hoài Nam, Lê Cao Đàm chủ biên, 2001). Thực tế này cho thấy sự kết hợp phải tránh tính hình thức và cần tính đến mức độ và bản chất thì mới phát huy hiệu quả trong PTBV địa phương.

Một điểm quan trọng khác là các yếu tố từ bên trên hay từ bên ngoài, nên được “địa phương hóa” cho phù hợp với bối cảnh địa phương để đạt mục tiêu PTBV địa phương. Watson và cộng sự (2006) đã chứng minh rằng hệ thống nhà hàng đồ ăn nhanh McDonald của Hoa Kỳ đã thành công ở các quốc gia Đông Á và Đông Nam Á nhờ quá trình địa phương hóa trên nhiều phương diện để thích nghi thành công với các bối cảnh văn hóa và xã hội địa phương. Ngược lại, không ít dự án hỗ trợ con giống cho các hộ nghèo người dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc đã thất bại khi cấp các con giống không có khả năng thích nghi với môi trường địa phương. Ví dụ, trong số những con trâu và dê giống cấp cho các hộ nghèo một số xã ở miền núi Tây Bắc được mua từ khu vực Tây Nguyên có một số lượng không nhỏ không có khả năng chống chịu với thời tiết rét khắc nghiệt vào mùa đông ở khu vực này⁶.

5.4. Phát triển bền vững địa phương và vai trò của các nhà nhân học

Phát triển nói chung, PTBV địa phương nói riêng là đối tượng của nhiều tác nhân, nổi bật là người dân (với các nhóm, thành phần, tầng lớp đa dạng), cộng đồng, các cấp chính quyền, các cơ quan phát triển, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, và các nhà khoa học. Trong đó, các nhà nhân học thường quan tâm đến phát triển theo ba hướng chính: nghiên cứu, ứng dụng và thực hành. Cụ thể: (1) các nhà nhân học hàn lâm lấy các vấn đề phát triển làm đối tượng nghiên cứu; (2) các nhà nhân học ứng dụng vận dụng tri thức, lý luận và phương pháp nhân học vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn phát triển; và (3) các nhà nhân học thực hành tham gia xây dựng chính sách, quản lý chính sách, triển khai chính sách, giám sát và đánh giá chính sách/chương trình/dự án phát triển. Mục tiêu hàng đầu của các nhà nhân học là PTBV cho các cộng đồng địa phương, sự tham gia của người dân, tăng quyền cho người dân, nhấn mạnh đến tri thức địa phương và rộng hơn là văn hóa địa phương,... Theo cách này, các nhà nhân học thường quan tâm đến phát triển ở cấp độ vi mô, theo cách tiếp cận từ bên dưới và kết hợp. Trong một số trường hợp họ cũng tham gia vào một số dự án phát triển từ bên trên. Các nhà khoa học trong các lĩnh vực khác như kinh tế học, xã hội học quan tâm đến phát triển ở cấp độ vĩ mô về tổng sản phẩm, sản lượng hàng hóa, dịch vụ, thu nhập, việc làm và các tiêu chí khác nhằm nâng cao mức sống, giáo dục, y tế,...

Trong bối cảnh Việt Nam, trong khi không bỏ qua thực tế PTĐP có thể là một đấu trường, như De-Sardan (2008) lập luận, dựa trên tri thức và kỹ năng của mình, các nhà nhân học, sử học và các nhà khoa học xã hội khác có khả năng thúc đẩy sự tham gia và cộng tác trong PTBV địa phương (xem Nguyễn Văn Sửu, tuyển chọn, 2014). Các nhà nhân học thường đóng góp cho phát triển nói chung và PTBV địa phương nói riêng với vai trò là chuyên gia đánh giá, phân tích và tư vấn các vấn đề văn hóa, xã hội, giới, tộc người, phát triển cộng

⁶ Tư liệu đánh giá “sự tham gia dự án” của Chương trình 135 giai đoạn II của tác giả.

đồng, hoặc là cộng tác viên, người môi giới văn hóa,... Ví dụ, một nhóm nhà nhân học đã nghiên cứu các dự án phát triển và biến đổi xã hội ở một xã miền núi thuộc tỉnh Lào Cai. Dựa trên tri thức và kỹ năng của mình, họ cộng tác với người dân, chính quyền địa phương và các nhà tài trợ hỗ trợ một số hộ gia đình người Tày xây dựng thành công mô hình du lịch cộng đồng (Pannier, and Culas, 2022). Những nỗ lực phát triển của người dân và chính quyền địa phương đã được hiện thực hóa thành các sản phẩm văn hóa để bán cho du khách nhờ có sự tham gia, cộng tác, tư vấn của các nhà nhân học từ bên ngoài. Đây là một sự cộng tác dựa trên kết hợp của ba yếu tố: tri thức sâu rộng của nhà khoa học về địa phương, thế giới bên ngoài địa phương; mối quan hệ tin cậy của người dân, cộng đồng và chính quyền địa phương đối với nhà khoa học; và mong muốn đóng góp của nhà khoa học cho PTĐP. Sự cộng tác như vậy để PTĐP thường cần nhiều thời gian. Sự tham gia và cộng tác này là minh chứng cho tiếp cận kết hợp trong PTBV địa phương, dù các tác giả tự nhận là phát triển từ bên dưới. Thực tiễn mấy thập kỷ vừa qua cho thấy nhiều ví dụ sinh động khác.

Kết luận

Phát triển là chủ đề lớn, có nhiều cách hiểu, nhiều quan điểm lý thuyết, nhiều cách tiếp cận và có một thực tiễn thực hành phong phú ở các cấp độ quốc tế, quốc gia và địa phương. Bài viết này tập trung phân tích ba tiếp cận chủ đạo trong phát triển nói chung và PTĐP nói riêng, bao gồm phát triển từ bên trên, phát triển từ bên dưới, và phát triển kết hợp.

PTĐP trước hết phải là phát triển ở địa phương và vì địa phương. Nhưng PTĐP không nhất thiết là phát triển hoàn toàn của địa phương và do địa phương. Thực tiễn cho thấy mỗi địa phương là một không gian địa lý cụ thể, một bộ phận của quốc gia và một không gian phát triển có những mong muốn, đặc điểm, thế mạnh, hạn chế và bối cảnh văn hóa - xã hội riêng. Thay vì khuyến khích một khuôn mẫu hay công thức lý tưởng nào cho phát triển ở mọi địa phương, tôi cho rằng tùy thuộc vào bối cảnh từng địa phương để sử dụng các tiếp cận phát triển phù hợp. Nhìn tổng thể, các chính sách và dự án PTBV địa phương nên ưu tiên phát triển từ bên dưới, khuyến khích phát triển kết hợp, sử dụng có chọn lọc phát triển từ bên trên, để bao trùm các tác nhân phát triển ở địa phương và ngoài địa phương. Trong PTBV địa phương, các nhà nhân học có thể đóng vai trò quan trọng. Dựa vào tri thức và kỹ năng của mình, các nhà nhân học không chỉ đơn thuần là nhà nghiên cứu về địa phương mà còn là chuyên gia phân tích, đánh giá, môi giới, cộng tác và tư vấn cho các chính sách và dự án phát triển ở địa phương và vì địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Abram, S. (2003), "Introduction: anthropological perspectives on local development", *Anthropological perspectives on local development*, Routledge, pp.11-27.
2. Adams, W. M. (2017), "Conservation from Above: Globalising Care for Nature", In Brightman, M., Lewis, J. (eds): *The Anthropology of Sustainability*, Palgrave Studies in Anthropology of Sustainability, Palgrave Macmillan, New York.

3. Balakrishnan, R., ed. (2007), *Participatory pathways: People's participation in development initiatives*, Pearson Education India.
4. Bảo Quyên (2018), “Thủ tướng: Khiếu nại, tố cáo vẫn chủ yếu về đất đai”, trên trang: <http://vneconomy.vn/thu-tuong-khieu-nai-to-cao-van-chu-yeu-ve-dat-dai.htm> (Truy cập ngày 17/4/2024).
5. Brightman, M. & Jerome Lewis (2017), *Introduction: The anthropology of sustainability: Beyond development and progress*, Palgrave Macmillan US.
6. Chambers, R. (1983, tái bản 2014), *Rural development: Putting the last first*, Routledge.
7. Chu Thu Hường (2021), *Biến đổi không gian làng Đồng Kỵ (Từ Sơn - Bắc Ninh)*, Luận án tiến sĩ Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Crewe, E. & Axelby, R. (2013), *Anthropology and development: Culture, morality and politics in a globalised world*, Cambridge University Press.
9. De-Sardan, Jean-Pierre Oliver (2008), *Anthropology and development: Understanding contemporary social change*, Bloomsbury Publishing.
10. Edelman, M. & Haugerud, A. (2005), *The anthropology of development and globalization: from classical political economy to contemporary neoliberalism*, Blackwell Pub.
11. Gardner, K. & Lewis, D. (2015), *Anthropology and development: challenges for the twenty-first century*, Pluto Press.
12. Homewood, K. M. (2017), “They call it Shangri-La”: Sustainable conservation, or African enclosures?”, *The Anthropology of Sustainability: Beyond Development and Progress*, pp.91-109.
13. Kerkvliet, B. J. T. (2004), “Surveying local government and authority in contemporary Vietnam”, *Beyond Hanoi: local government in Vietnam*, Institute of Southeast Asian Studies (ISEAS), pp.1-27.
14. Kerkvliet, B. J. T. (2005), *The power of everyday politics: How Vietnamese peasants transformed national policy*, Cornell University Press.
15. McElwee, P. (2022), “Ethnic Minorities in Vietnam: State Relations and Social Change”, *Routledge handbook of contemporary Vietnam*, Routledge, pp. 364-377.
16. Mosse, D. & Lewis, D. (2005), *The aid effect: Giving and governing in international development*, Pluto Press.
17. Đỗ Hoài Nam, Lê Cao Đàm (Chủ biên, 2001), *Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

18. Pannier, E. & Culas, C. (2022), “Khảo cứu dân tộc học để thúc đẩy phát triển từ cơ sở ở miền núi phía Bắc Việt Nam: Những thách thức, vị thế và giới hạn của nhân học gắn kết”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 17-33.
19. Pike, A., Rodríguez-Pose, A. & Tomaney, J. (2016), *Local and regional development*, Routledge.
20. Shah, A. (2006), “The new visions of local governance and the evolving roles of local governments”, In Shah, A. ed.: *Local governance in developing countries*, World Bank Publications.
21. Sillitoe, P. ed. (2009), *Local science vs. global science: Approaches to indigenous knowledge in international development*, Vol. 4. Berghahn books.
22. Sillitoe, P., Bicker, A. & Pottier, J. (2002), “Participating in development”, *Approaches to Indigenous Knowledge*, Routledge.
23. Nguyen Van Suu (2007), “Contending views and conflicts over land in Vietnam's Red River Delta”, *Journal of Southeast Asian Studies*, 38 (2), pp. 309-334.
24. Nguyễn Văn Sửu (tuyển chọn) (2014), *Nhân học phát triển: Lịch sử, lý thuyết và công cụ thực hành*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
25. Nguyễn Văn Sửu, Chu Thu Hường (2023), “Hiện đại hóa và truyền thống hóa trong biến đổi ở một làng Việt đồng bằng sông Hồng”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 3-13.
26. Hue Tam Ho Tai, Le Hong Ly (2008), “The Revenge of the Object Villagers and Ethnographers in Đồng Kỵ village”, *Asian Ethnology*, Volume 67, (2), pp. 323-343.
27. Taylor, P. (2008), “Minorities at large: new approaches to minority ethnicity in Vietnam”, *Journal of Vietnamese Studies* 3.3, pp. 3-43.
28. Nguyễn Công Thảo (2022), “Phát triển từ cơ sở: Con đường hay đích đến”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 5-16.
29. The World Bank (2018), Urban Population (% of total population) - Vietnam, trên trang: <https://data.worldbank.org/indicator/> (Truy cập ngày 17/4/2024).
30. Vu Minh Hoang & Hiroyuki Kawashima (2017), “Effects of urban expansion on suburban farmers' livelihood in Vietnam: A comparative analysis of Ho Chi Minh City and Hanoi”, *Habitat International* 65, pp. 49-58.
31. Van Lindert, P. & Verkoren, O. (2010), “Local governance and local development in Latin America: Views from above and below”, *Decentralized Development in Latin America: Experiences in Local Governance and Local Development*, pp.1-22.
32. Watson, J. L. ed. (2006), *Golden arches east: McDonald's in East Asia*, Stanford University Press.